

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày: 18/9/2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quý Hai

2. Ông Đinh Xuân Phẫu

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quang Vịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình:
Không tham gia phiên toà

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc “ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mai L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 9 xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình “có mặt”.

Bị đơn: Anh Trịnh Trường G, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 5 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 11/7/2019, tại bản tự khai ngày 05/8/2019 và tại phiên toà chị Lê Thị Mai L trình bày: Chị và anh Trịnh T Giang tự nguyện kết hôn vào ngày 01/7/2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nội ở xã T huyện T. Bước đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sau đó chị L đi xuất khẩu lao động và sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ

chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn.

Về con chung của vợ chồng: Vợ chồng có một con chung là Trịnh Lê Thực Q, sinh ngày 26/4/2014. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2019 và tại phiên tòa anh Trịnh Trường G trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị Mai L tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 01/7/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống ở nhà nội tại xã T. Sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện tại chị L yêu cầu ly hôn anh G đồng ý.

Về con chung của vợ chồng: Vợ chồng có một con chung là Trịnh Lê Thực Q, sinh ngày 26/4/2014. Sau khi ly hôn anh G có nguyện vọng được nuôi con, và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung của vợ chồng không có tài sản, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết, tạo điều kiện để các bên đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ. Tòa án đã hoà giải nhưng không đạt kết quả. Về tình cảm, chị Lê Thị Mai L và anh Trịnh Trường G thuận tình ly hôn. Về nuôi con chung, chị L và anh G đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, anh G và chị L thỏa thuận nếu ai không trực tiếp nuôi con thì phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mai L và anh Trịnh Trường G kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã N, thành phố Đ vào ngày 01/7/2013. Bước đầu cuộc sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thiếu tin tưởng nhau và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị L và anh G thuận tình ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận chị Lê Thị Mai L ly hôn anh Trịnh Trường G.

[2] Về nuôi con chung của vợ chồng: Vợ chồng có một con chung tên là Trịnh Lê Thực Q, sinh ngày 26/4/2014. Chị Lê Thị Mai L và anh Trịnh Trường G đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, nguyện vọng của anh G và chị L đều chính đáng và đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tuy nhiên hiện tại cháu Q còn nhỏ, đã quen ở với mẹ và cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên xét thấy việc giao cháu Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp hơn. Về mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng theo sự thỏa thuận của chị L và anh G là hợp lý với điều kiện của anh G. Vì vậy cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trịnh Lê Thực Q cho chị Lê Thị Mai L trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng. Anh Trịnh Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 10 năm 2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Mai L và anh Trịnh Trường G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Mai L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Trịnh Trường G phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chị Lê Thị Mai L ly hôn anh Trịnh Trường G.

2. Về nuôi con chung của vợ chồng: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trịnh Lê Thực Q, sinh ngày 26/4/2014 cho chị Lê Thị Mai L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trịnh Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 10 năm 2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Hai vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0003797 ngày 11/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá nay được khấu trừ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Trường G phải chịu 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố các bên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/9/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hoá;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Minh Toàn